

**CÔNG TY TNHH GOLDEN FARM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GOLDEN FARM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOLDEN FARM LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: GOLDEN FARM CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107244633

**3. Ngày thành lập:** 10/12/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 14, Ngõ 58, Phố Trần Vĩ, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0432115456

Fax:

Email: *huyennguyen2212@gmail.com* Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                               | Mã ngành                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh                                                                                                                                          | 0118                                                         |
| 2.  | Trồng cây chè                                                                                                                                                                           | 0127                                                         |
| 3.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu                                                                                                                                                         | 0128                                                         |
| 4.  | Chăn nuôi lợn                                                                                                                                                                           | 0145                                                         |
| 5.  | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                                                       | 0146                                                         |
| 6.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                         | 1010                                                         |
| 7.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                 | 1020                                                         |
| 8.  | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                            | 1074                                                         |
| 9.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Trộn chè và chất phụ gia<br>- Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm<br>- Sản xuất thực phẩm chức năng | 1079                                                         |
| 10. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                 | 1104                                                         |
| 11. | In ấn                                                                                                                                                                                   | 1811                                                         |
| 12. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                | 1812                                                         |
| 13. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                               | 1820                                                         |
| 14. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                        | 5610                                                         |
| 15. | Xuất bản sách                                                                                                                                                                           | 5811                                                         |
| 16. | Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ                                                                                                                                            | 5813                                                         |
| 17. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                | 5911                                                         |
| 18. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                        | 5912                                                         |
| 19. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                               | 5913                                                         |
| 20. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                            | 4631                                                         |
| 21. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bao gồm cả thực phẩm chức năng                                                                                                                          | 4632                                                         |
| 22. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                        | 8292                                                         |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                     | 8299                                                         |
| 24. | Quảng cáo                                                                                                                                                                               | 7310(Chính)                                                  |
| 25. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                | 7320                                                         |
| 26. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                          | 7410                                                         |
| 27. | Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật                                                 | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN THANH HUYỀN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 04/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013233536

Ngày cấp: 17/06/2010

Nơi cấp: Công an Tp Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên: NGUYỄN THANH HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: 04/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013233536

Ngày cấp: 17/06/2010

Nơi cấp: Công an Tp Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*Tổ dân phố Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại:

*Tổ dân phố Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội